

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 12 năm 2016 và chương trình công tác tháng 01 năm 2017

Trong tháng 12, tình hình sản xuất nông nghiệp có một số thuận lợi cơ bản như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi tiếp tục được kiểm soát; giá cả một số mặt hàng nông sản tương đối ổn định và tăng hơn so với cùng kỳ; công tác tư vấn và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đã giúp nông dân áp dụng vào sản xuất giúp tăng năng suất và sản lượng nông sản; các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tiếp tục được triển khai thực hiện. Tuy nhiên giá heo hơi, dừa khô trong thời gian gần đây giảm ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân, tình hình thiệt hại trên tôm sú, tôm thẻ chân trắng vẫn xảy ra ở một số nơi nhưng được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, cùng với sự nỗ lực vượt khó của người dân nên sản xuất nông nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển, đạt được kết quả cụ thể như sau:

#### I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

###### a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Cây lúa:

+ Vụ Thu Đông - Mùa: Thu hoạch 13.142 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch lúa Thu Đông đến nay 14.367 ha, đạt 22,43% diện tích xuống giống, năng suất trung bình 5,06 tấn/ha; thực hiện 08 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 1.943 ha, lúa đang giai đoạn chín. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 6.287 ha (tăng 3.082 ha so với tháng trước), gồm: chuột gây hại 2.976 ha, tỷ lệ 5-10% tập trung ở các huyện Cầu Ngang, Châu Thành, Trà Cú; bệnh đạo ôn lá 2.125 ha, tỷ lệ 5-10%, ở các huyện Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; bệnh lem lép hạt 599 ha, tỷ lệ 5-10% tại huyện Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành; còn lại là bệnh bạc lá, rầy nâu và đạo ôn cổ bông gây hại ở mức độ nhẹ. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nông dân phòng, trị sâu bệnh và vận động diệt chuột gây hại với 1.532 người tham dự.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống 16.626 ha, nâng tổng diện tích xuống giống lúa Đông Xuân đến nay 26.683 ha; thực hiện 12 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 2.575 ha, hiện lúa đang đẻ nhánh đến đòng trổ.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng cây màu năm 2017 đến nay 4.563 ha, đạt 8,11% kế hoạch, gồm: màu lương thực 577 ha, đạt 6,3%; màu thực phẩm 3.118 ha, đạt 10,1%; cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 869 ha, đạt 5,31%. Thực hiện 01 mô hình trồng ớt tại xã

Ngọc Biên, huyện Trà Cú, có 67 hộ tham gia với diện tích 22,6 ha; 01 mô hình trồng bắp tại xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, diện tích xuống giống 20 ha.

- Cây ăn trái: Thực hiện mô hình khắc phục thiệt hại thiên tai xâm nhập mặn trên cây chôm chôm ở ấp Tân Qui 1, Tân Qui 2 xã An Phú Tân huyện Cầu Kè, hiện đã phun một số loại phân bón lá, xử lý ra hoa. Nhân nuôi, phóng thích ra tự nhiên được trên 200 mummy ong kí sinh sâu đục trái bưởi, bọ cánh cứng hại dứa.

#### **b) Chăn nuôi, thú y:**

- Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm tiếp tục được kiểm soát tạo điều kiện chăn nuôi phát triển.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống bệnh trên đàn gia súc, gia cầm: Tiêm phòng cúm được 400.904 con gia cầm, phòng LMLM 125 con gia súc, tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 72.147 con gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 291 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm 3.887.623 con gia cầm, đạt 118% so diện tiêm (chiếm 89% tổng đàn); tiêm phòng LMLM 38.516 con gia súc, đạt 46,7% so diện tiêm; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 1.158.030 con gia súc (dịch tả 401.536 con, tụ huyết trùng 367.531 con, phó thương hàn 380.143 con); tiêm phòng đại chó, mèo 3.353 con. Kết quả triển khai tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng đợt 2 năm 2016 được: 270.815 lượt hộ, diện tích 14.337.520 m<sup>2</sup>, sử dụng 8.697 lít hóa chất.

- Kiểm dịch động vật xuất, nhập tính 23.849 con gia súc, 177.862 con gia cầm và 66 tấn sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ 121 lượt cơ sở. Lũy kế đến nay kiểm dịch 279.278 con gia súc, 2,6 triệu con gia cầm, 23,9 triệu quả trứng và 1,1 ngàn tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 1.169 lượt cơ sở giết mổ, phát hiện 24 trường hợp vi phạm (lưu thông, mua bán thịt không có dấu kiểm soát giết mổ).

- Các địa phương tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg, trong tháng đã hỗ trợ xây dựng 401 công trình khí sinh học, gieo tinh nhân tạo 134 con bò sử dụng 134 liều tinh, hỗ trợ mua 01 bình Nitơ. Nâng tổng số từ đầu năm đến nay đã hỗ trợ xây dựng 2.790 công trình khí sinh học và gieo tinh nhân tạo 591 con bò/615 liều tinh.

- Phối hợp với địa phương thực hiện bình tuyển, phân loại, đánh giá và bấm tai theo dõi heo đực nuôi để phối giống trực tiếp được 42 hộ với 111 con. Lũy kế đến nay bình tuyển, phân loại, đánh giá và bấm tai theo dõi heo đực nuôi để phối giống trực tiếp được 124 hộ, với 392 con.

#### **c) Lâm nghiệp:**

- Nghiệm thu phúc tra công trình trồng cây lâm nghiệp phân tán năm 2016 kết quả nghiệm thu đạt được 50.000 cây dầu con rái, đạt 100% so với kế hoạch, tỷ lệ sống bình quân 88,8%, vận động hộ dân nhận trồng cây phân tán chăm sóc và trồng dặm đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định. Hoàn thành hồ sơ giải ngân và thực hiện hồ sơ thanh quyết toán công trình trồng rừng thuộc Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh.

- Trong tháng triều cường dâng cao làm sạt lở, thiệt hại 2,62 ha rừng phi lao tại xã Đông Hải huyện Duyên Hải, xã Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh thị xã Duyên Hải. Tổ chức 87 lượt tuần tra bảo vệ rừng, xử lý 01 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 2.955 m<sup>2</sup> rừng, nâng tổng số đến nay tổ chức 983 lượt, phát hiện 19 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 6.882 m<sup>2</sup> rừng và 26,67 m<sup>3</sup> gỗ, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Thực hiện công tác khai thác tận thu gỗ rừng chết do nấm bệnh và thi công dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp tại xã Đông Hải và Long Vĩnh huyện Duyên Hải được 310 m<sup>3</sup> gỗ.

**d) Thủy sản:** Sản lượng thu hoạch trong tháng 15.990 tấn, giảm 1.087 tấn so với cùng kỳ. Nâng tổng đến nay đã thu hoạch được 171.369 tấn (đạt 94,7% kế hoạch), tăng 4.733 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 1.147 ha (tăng 427 ha), thu hoạch 9.812 tấn (giảm 1.090 tấn). Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 43.771 ha, đạt 102,5% kế hoạch, thu hoạch 103.027 tấn, đạt 101,8% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 10.518 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 1.029 ha, thu hoạch 3.403 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 46.925 ha (tăng 3.250 ha), tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 1,86 tỷ con giống (18.889 ha), tôm thẻ chân trắng thả nuôi 3,2 tỷ con giống (6.560 ha), cua biển 201 triệu con (14.418 ha). Thu hoạch 46.925 tấn, cao hơn cùng kỳ 3.250 tấn, gồm tôm sú 13.154 tấn, tôm thẻ chân trắng 23.792 tấn, cua biển 7.225 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 7,4 triệu con tôm sú giống, 22,7 triệu con tôm thẻ chân trắng. Lũy kế đến nay thiệt hại 414 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,2%), 596 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 18,9%).

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 118 ha, thu hoạch 6.409 tấn. Lũy kế đến nay thả nuôi 3.578 ha, giảm 588 ha so với cùng kỳ (cá lóc 313 ha, tôm càng xanh 955 ha, còn lại chủ yếu là cá các loại); thu hoạch 56.101 tấn (tăng 7.268 tấn so với cùng kỳ), gồm: Cá lóc 29.943 tấn, cá tra 10.196 tấn, tôm càng xanh 692 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Tình hình thời tiết trên ngư trường ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân yên tâm ra khơi đánh bắt. Trong tháng, sản lượng khai thác được 6.177 tấn, tăng 03 tấn so cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 68.342 tấn (11.326 tấn tôm) đạt 85,6% kế hoạch, giảm 5.786 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 11.282 tấn (3.464 tấn tôm), khai thác hải sản 57.061 tấn (7.862 tấn tôm).

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 365 tấn thủy sản (tôm sú 108 tấn, tôm thẻ 341 tấn), chế biến 365 tấn, tiêu thụ 311 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 03 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 12.972 tấn (tôm sú 1.091 tấn, tôm thẻ 5.709 tấn), chế biến 7.458 tấn, tiêu thụ 6.045 tấn, kim ngạch xuất khẩu 41 triệu USD.

- Tư vấn trực tiếp và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, khuyến cáo người dân thả nuôi rã vụ, tăng cường công tác phòng chống và giám sát dịch bệnh góp phần kiểm soát được các dịch bệnh nguy hiểm trong nuôi trồng thủy sản vào thời điểm đầu vụ. Kiểm dịch 87,8 triệu con tôm giống (vụ nuôi năm 2017); kiểm tra vệ sinh thú y 15 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 03 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 09 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 11 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản.

**e) Phát triển nông thôn:**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 2.026 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 77.238 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 8.257 cuộc tuyên truyền có 403.427 lượt người tham dự, các nội dung tuyên truyền, vận động như: Khuyến cáo người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, làm cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng,...

+ Các xã đã công nhận 4.386 hộ đạt tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, cấp huyện công nhận 01 ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 126.149 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 56,49% trên tổng số hộ phát động; 174 ấp đạt ấp nông thôn mới, chiếm 25,51% trong tổng số ấp.

+ Triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư của Chương trình phân bổ 139,2 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương 93,6 tỷ đồng (trái phiếu Chính phủ 60 tỷ đồng, Chương trình nông thôn mới 33,6 tỷ đồng), ngân sách tỉnh 45,6 tỷ đồng, đầu tư xây dựng 43 công trình giao thông nông thôn với chiều dài 26.950 m, 03 công trình trường học, 08 công trình cơ sở vật chất văn hóa; thực hiện 34 dự án trên địa bàn 28 xã đầu tư cho 850 hộ (chủ yếu là hộ nghèo) để thực hiện các mô hình như: nuôi gà, bò sinh sản, vỗ béo, nuôi heo, dê, cá tai tượng, hào và trồng nấm bào ngư.

+ Đến nay, có 24 xã đạt 19 tiêu chí; 07 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 54 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí. Số tiêu chí nông thôn mới bình quân trên xã đạt được đến nay là 13,8 tiêu chí.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, huyện Tiểu Cần: Trình xin gia hạn thời gian thi công, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu hạng mục Kè bờ phải chiều dài 659,04 m; kiểm tra tiến độ thi công hạng mục kè bờ bên trái với chiều dài 515,19 m đạt 80% khối lượng.

+ Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa: Trình UBND tỉnh xin chủ trương điều chỉnh dự toán hạng mục đường đan giao thông liên ấp; trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục đường giao thông liên ấp và đóng góp ý kiến về phương án thay đổi thiết kế bản vẽ thi công hạng mục đường đan giao thông liên ấp, phương án điều chỉnh.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tập trung thực hiện công tác quyết toán các dự án hoàn thành năm 2016, giải ngân vốn đầu tư phát triển được 10,74 tỷ đồng, vượt 79% kế hoạch. Vốn sự nghiệp giải ngân 04 tỷ

đồng, đạt 100% kế hoạch. Trong tháng, lắp đặt cho 798 hộ sử dụng nước máy, lũy kế đến nay đã lắp đặt cho 94.289 hộ (tăng 14.576 hộ so với đầu năm).

## **2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành**

### **a) Công tác quy hoạch:**

- Trình UBND tỉnh phê duyệt 03 quy hoạch, gồm: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung; chi tiết nuôi, chế biến cá tra. Đồng thời, tham mưu ký 03 hợp đồng với đơn vị tư vấn: Lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía; Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương dự toán rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và Quy hoạch cung cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Tham mưu tổng hợp các báo cáo: Tổng kết 10 năm (2006-2016) về việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh; vai trò, trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ngành, nhất là thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp; tình hình nông nghiệp, nông thôn tỉnh Trà Vinh (*phục vụ buổi làm việc với Chủ tịch UBTW MTTQ Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ngày 13/12/2016*); 03 năm thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:** Đề xuất UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành xây dựng Nghị quyết: Lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi và thủy sản chủ lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; lãnh đạo phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; tham mưu phân bổ vốn sự nghiệp thuộc Kế hoạch năm 2017 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

### **c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:**

- Tổng hợp danh mục các công trình kênh cấp 2 cần nạo vét để phục vụ phòng, chống hạn, mặn năm 2017 từ các huyện; tiến hành khảo sát các tuyến kênh cấp 3 cần nạo vét, lập kế hoạch chuẩn bị triển khai thực hiện.

- Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí Dự án Rà soát, bổ sung quy hoạch thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tham gia nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 05 công trình thủy lợi; bàn giao bản đồ hiện trạng và bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới cho các xã: Đại Phước huyện Càng Long, Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú, Đông Hải huyện Duyên Hải.

- Chuẩn bị lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa đảm bảo giao thông đê Hải Thành Hòa; thẩm định công trình khắc phục sạt lở tạm thời tuyến đê biển Mỹ Long và bờ biển xã Hiệp Thạnh; trình Sở Tài Chính hỗ trợ kinh phí cho

UBND huyện Duyên Hải thực hiện gia cố bờ bao tạm chống tràn bảo vệ sản xuất xã Đông Hải.

- Tổ chức 13 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 171 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 36 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

**d) Công tác xây dựng cơ bản:** Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 21 dự án (04 dự án khởi công mới, 17 dự án chuyển tiếp), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 08 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng, đã giải ngân 263,6 tỷ đồng đạt 57,6% kế hoạch (bổ sung vốn).

**e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:**

- Hỗ trợ HTX Nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú đáp ứng yêu cầu tiêu chí thực hiện Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016 – 2020”, và xây dựng hoàn chỉnh dự thảo Phương án xây dựng Cánh đồng lớn sản xuất ớt cho HTX Nông nghiệp Thành Công.

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch hỗ trợ tổ hợp tác nuôi gà ấp Hưng Nhượng A, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long hoạt động có hiệu quả làm mô hình điểm để nhân rộng, gửi lấy ý kiến của các sở ngành và địa phương.

- Tổng hợp biểu mẫu báo cáo nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, danh sách 12 HTX tham gia xây dựng mô hình thí điểm theo Quyết định 445/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ gửi Cục Kinh tế hợp tác.

**f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:**

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP:

Thanh tra an toàn thực phẩm 12 cơ sở kinh doanh thực phẩm, kiểm tra, đánh giá 43 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại: 29 cơ sở loại A, 14 cơ sở loại B; cấp 18 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 53 mẫu (31 mẫu nông sản, 22 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay thanh tra an toàn thực phẩm 142 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo, kết quả các cơ sở đều sai phạm do không có giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, giấy khám sức khỏe, chưa trang bị bảo hộ lao động; kiểm tra, đánh giá 280 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại có 227 cơ sở loại A, 53 cơ sở loại B; cấp 128 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 760 mẫu (273 mẫu nông sản, 432 mẫu thủy sản, 55 mẫu nước tiểu heo thịt).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 44 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 22 tàu, đăng ký 19 tàu, xóa bộ 02 tàu, cấp 16 sổ danh bạ (67 thuyền viên), cấp 37 giấy phép khai thác thủy sản, 94 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị

trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 589 tàu cá (19 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 176 tàu, đăng ký 194 tàu, xóa bộ 24 tàu, cấp 236 sổ danh bạ (1.036 thuyền viên), cấp 475 giấy phép khai thác thủy sản, 1.574 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.204 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 103.327 CV (236 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 547 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.202 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 111 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay tổ chức thu phí 7.667 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 10.825 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 917 triệu đồng.

- Công tác tuyên truyền pháp luật và thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 27 lớp tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản và người tiêu dùng với 900 người tham dự. Nâng tổng số đến nay tổ chức 274 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP, quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 7.860 lượt người.

+ Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, thú y thủy sản và giống thủy sản, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý tàu cá đối với 07 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, 67 tàu cá, 12 phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu, phân tích 10 mẫu; xử lý 04 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với 287 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, 683 lượt tàu cá, 136 lượt phương tiện vận chuyển giống thủy sản; thu 222 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, sản phẩm động vật, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 89 trường hợp.

**g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:**

- Tổ chức khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh) diện tích 0,2 ha vụ Đông Xuân. Khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dừa tại xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần. Nhân giống lúa OM4900 nguyên chủng vụ Thu Đông diện tích 30 ha tại xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, lúa giai đoạn đòng trổ; nhân giống bưởi da xanh 10 ha tại các huyện Trà Cú và thành phố Trà Vinh, hiện đang hướng dẫn hộ dân chăm sóc cây con.

- Đến nay tổ chức 447 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, thực hành nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP cho 12.817 lượt người (147 lớp trồng trọt 4.413 người; 78 lớp chăn nuôi 2.174 người; 152 lớp thủy sản 4.304 người, 59 lớp thực hành nuôi thủy sản VietGAP 1.605 người, 09 cuộc tuyên truyền không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi 321 người), phân công cán

bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp tư vấn cho 5.200 lượt hộ. Cấp phát 150 sổ tay khuyến nông - khuyến ngư, 100 quyển tài liệu kỹ thuật, cấp phát 01 ngàn tờ tin khuyến nông, 37.500 tờ tài liệu bướm các loại.

- Kết hợp Đài Truyền hình Trà Vinh thực hiện 05 bản tin thời sự; 03 chuyên. Nâng tổng số đến nay thực hiện 17 bản tin thời sự, 04 chuyên mục, 04 cuộc phóng sự, 03 cuộc tọa đàm và 01 chuyên đề.

- Tổ chức 06 cuộc hội thảo mô hình nuôi tôm càng xanh nước lợ; nuôi tôm càng xanh trong ao tôm sú; nuôi kết hợp tôm – cua – vọp, nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá sặc rằn tại huyện Duyên Hải, Cầu Ngang và Tiểu Cần cho 285 lượt người tham dự. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức được 18 cuộc hội thảo cho 997 lượt người tham dự.

- Tiếp tục theo dõi, chuẩn bị nghiệm thu, lấy chỉ tiêu kỹ thuật các mô hình trình diễn đang thực hiện, gồm: Sản xuất lúa lai thương phẩm, trồng bắp chuyển đổi gen, mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm, nuôi tôm càng xanh toàn đực.

- Kết hợp dự án AMD: Thực hiện 10 mô hình, gồm: Mô hình trồng thâm canh cây gấc, trồng đậu phộng trong mùa mưa sử dụng phân hữu cơ vi sinh, trồng thanh long trên vùng sinh thái khác, nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá sặc rằn trong ao, nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến, nuôi tôm – cua – vọp kết hợp trồng rừng, nuôi tôm sú theo VietGAP, tôm nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi, nuôi tôm càng xanh luân canh trong ao tôm sú, nuôi tôm càng xanh nước lợ.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Đông Xuân 2017 sản xuất 11,7 ha giống lúa OM 5451 cấp xác nhận 1, đang giai đoạn làm đòng. Cung ứng lúa giống năm 2017 được 1,81 tấn và 411 giống ăn trái các loại.

+ Giống vật nuôi: Nghiệm thu 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản với 394 con gà mái tại 02 xã Đại Phước và Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỷ lệ sống đến 20 tuần tuổi đạt trên 90%.

+ Giống thủy sản: Sản xuất, cung ứng cho người nuôi được 1,72 triệu con post tôm sú, 01 triệu con giống cá lóc. Nâng tổng số đến nay sản xuất, cung ứng, giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 13,3 triệu con post tôm sú, 11 triệu con tôm thẻ chân trắng, 5,33 triệu con tôm càng xanh, 1,5 triệu con cua biển, 2 tấn cá giống các loại và 4,32 triệu con giống cá lóc.

***h) Công tác khác:***

- Tổng hợp rà soát các thủ tục và đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt để làm căn cứ thanh toán, hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn các huyện, thị xã.

- Báo cáo: Kết quả thực hiện lời hứa ghi nhận đối với ý kiến kiến nghị của cử tri; trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp 2 khóa IX; giá thành lúa vụ hè thu năm 2016.



## II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

**1. Tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh một số kết quả đạt được như trên, ngành nông nghiệp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Một số địa phương triển khai thực hiện chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, xây dựng các công trình cơ bản và hỗ trợ sản xuất còn chậm chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Sản lượng khai thác giảm hơn so với cùng kỳ.

- Giá cả nông sản tuy có ổn định nhưng còn ở mức thấp nông dân sản xuất không có lợi nhuận cao.

### **2. Nguyên nhân:**

- Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện một số chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Chi phí nhân công lao động và nhiên liệu tăng làm ảnh hưởng đến thu nhập của ngư dân nên một số tàu khai thác hạn chế ra khơi dẫn đến sản lượng khai thác giảm so với cùng kỳ.

- Thời tiết không ổn định nên diện tích xuống giống một số loại rau màu và cây mía niên vụ 2017 giảm so với cùng kỳ.

## III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 01 NĂM 2017

### **1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn**

#### ***a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:***

- Theo dõi thu hoạch lúa Thu Đông và tình hình sinh trưởng phát triển lúa Đông Xuân 2016-2017; thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là hướng dẫn nông dân phòng, trị bệnh đạo ôn, rầy nâu, cháy lá, diệt chuột trên trà lúa Đông Xuân. Tổ chức tập huấn kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh, chuột gây hại lúa Đông Xuân 2016-2017.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại, thống kê diện tích xuống giống vụ Đông Xuân năm 2017, đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết Nguyên đán.

***b) Chăn nuôi, thú y:*** Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi tại các địa phương; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tiếp tục khuyến cáo người chăn nuôi thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm để hạn chế dịch bệnh xảy ra; tổ chức tập huấn, tuyên truyền cam kết không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi và tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm.

***c) Lâm nghiệp:*** Tổng kết công tác quản lý bảo vệ rừng năm 2016, xây dựng kế hoạch quản lý bảo vệ rừng năm 2017; tiếp tục thực hiện công tác nghiệm thu cơ sở và phúc tra công trình trồng rừng, phúc tra công trình chăm sóc, bảo vệ và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng thuộc dự án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ

tỉnh Trà Vinh. Tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân sống tiếp giáp với rừng.

**d) Thủy sản:** Kết hợp các địa phương tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ trong thời điểm giao mùa và khuyến cáo người dân chọn giống chất lượng đã qua kiểm dịch con giống trước khi thả nuôi và nuôi theo lịch thời vụ vụ nuôi 2016 - 2017; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh vật tư đầu vào dùng trong nuôi thủy sản và kiểm dịch giống xuất nhập tỉnh; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tập huấn quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi.

**e) Công tác nông thôn mới:** Chuẩn bị các nội dung tổ chức hội nghị tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016 và triển khai kế hoạch thực hiện năm 2017; theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện giải ngân các nguồn vốn được hỗ trợ năm 2016; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Theo dõi, kiểm tra tiến độ thi công Kè bờ phải, dài 659 m thuộc Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần; triển khai thi công hạng mục Đường đaml giao thông liên ấp thuộc dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành.

## **2. Công tác chuyên ngành:**

- Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai thực hiện: Lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía; Quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức hội nghị tổng kết: Công tác năm 2016 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2017 của ngành; tình hình nuôi trồng thủy sản năm 2016 và kế hoạch năm 2017; công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi năm 2016 và triển khai kế hoạch năm 2017; hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở năm 2016 và xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2017.

- Chỉ đạo cán bộ kỹ thuật tiếp tục xuống địa bàn các huyện, thành phố và thị xã tư vấn về kỹ thuật sản xuất trực tiếp cho các hộ dân; tổ chức hội thảo, nghiệm thu, tổng kết các mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp của ngành và mô hình kết hợp Dự án AMD đang triển khai thực hiện.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu

hoạch nguyên thể 2 mảnh vở, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

- Tổ chức các cuộc thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác thủy sản, quản lý tàu cá, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg, chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP.

- Tiếp tục theo dõi, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê biển kịp thời báo cáo, kiến nghị cấp trên xử lý những vụ vi phạm pháp luật về đê điều; theo dõi diễn biến tình hình bão, triều cường, đề xuất tham mưu xử lý kịp thời khi có tình huống.

- Tiếp tục quản lý, theo dõi các hạng mục công trình thủy lợi của ngành đang triển khai thực hiện.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN-PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Lưu: YT, KHTC.



**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



  
*Nguyễn Ngọc Hải*

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN  
THÁNG 12 NĂM 2016**

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>							
	<b>Tổng DT gieo trồng</b>	Ha	<b>110.680</b>	<b>175.300</b>	<b>85.243</b>	<b>95.300</b>	<b>86,10%</b>	<b>54,36%</b>
<b>1.1.</b>	<b>Cây lương thực có hạt</b>	Ha	<b>106.416</b>	<b>125.300</b>	<b>81.111</b>	<b>91.168</b>	<b>85,67%</b>	<b>72,76%</b>
	<b>Cây lúa</b>	Ha	<b>105.885</b>	<b>119.000</b>	<b>80.680</b>	<b>90.737</b>	<b>85,69%</b>	<b>76,25%</b>
	<b>Vụ Thu Đông-mùa 2016-2017</b>							
	- DT gieo sạ	ha	87.740	64.000	64.054	64.054	73,00%	100,08%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	33.359	64.000	13.142	14.366,74	43,07%	22,45%
	- Năng suất	Tạ/ha	53,86	55,00	51,17	50,6	93,92%	91,97%
	- Sản lượng	tấn	179.656	352.000	67.245	72.672	40,45%	20,65%
	<b>Vụ Đông Xuân 2017</b>							
	- Diện tích xuống giống	Ha	18.145	55.000	16.626	26.683	147,06%	48,51%
	- Năng suất	Tạ/ha		68,00				
	- Sản lượng	tấn		374.000				
	<b>Cây màu</b>							
	<b>Diện tích gieo trồng</b>	Ha	<b>4.795</b>	<b>56.300</b>	<b>4.563</b>	<b>4.563</b>	<b>95,16%</b>	<b>8,11%</b>
	<b>Diện tích thu hoạch</b>	Ha	<b>48.819</b>	<b>56.300</b>	<b>3.627</b>	<b>47.836</b>	<b>97,99%</b>	<b>84,97%</b>
	<b>Cây bắp</b>							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	531	6.300	430,7	430,7	81,09%	6,84%
	- Diện tích thu hoạch	"	4.668	6.300	468	4.274,3	91,56%	67,85%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,72	54,44	51,9	52,7	94,60%	96,81%
	- Sản lượng	Tấn	26.010	34.300	2.429	22.529,3	86,62%	65,68%
<b>1.2.</b>	<b>Cây có củ</b>	Ha	<b>159</b>	<b>2.850</b>	<b>146</b>	<b>146</b>	<b>91,92%</b>	<b>5,13%</b>
	<b>Khoai lang</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	60	1.200	55,2	55,2	91,38%	4,60%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.135	1.200	208	1.220	107,54%	101,70%
	+ Năng suất	Tạ/ha	163,09	160,00	143,1	155,8	95,53%	97,37%
	+ Sản lượng	Tấn	18.507,45	19.200,00	2.971,0	19.013,4	102,73%	99,03%
	<b>Sắn</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	57	1.000	49,6	49,6	86,73%	4,96%
	+ Diện tích thu hoạch	"	694	1.000	138,7	880,3	126,92%	88,03%
	+ Năng suất	Tạ/ha	160,8	160,00	157,0	154,8	96,29%	96,77%
	+ Sản lượng	Tấn	11.153	16.000	2.178,0	13.629,8	122,21%	85,19%
	<b>Cây có củ khác</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	41	650	41,4	41,4	99,86%	6,37%
	+ Diện tích thu hoạch	"	484	650	72	474	97,93%	72,92%
<b>1.3.</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>3.017</b>	<b>30.800</b>	<b>3.118</b>	<b>3.118</b>	<b>103,34%</b>	<b>10,12%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	2.975	30.000	3.091	3.091	103,89%	10,30%
	+ Diện tích thu hoạch	"	26.724	30.000	1.690	24.876	93,09%	82,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	226,1	230,00	225,0	224	98,88%	97,20%
	+ Sản lượng	Tấn	604.203	690.000	38.037	556.151	92,05%	80,60%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	42	800	27	27	64,54%	3,40%
	+ Diện tích thu hoạch	"	749	800	9	674,00	89,97%	84,25%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
1.4	+ Năng suất	Tạ/ha	16,9	16,50	174,1	17,50	103,57%	106,08%
	+ Sản lượng	Tấn	1.266	1.320	164	1.179,67	93,18%	89,37%
	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>		<b>1.088</b>	<b>16.350</b>	<b>869</b>	<b>869</b>	<b>79,84%</b>	<b>5,31%</b>
	<b>Đậu phộng</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	481	5.000	481	481	100,00%	9,61%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.234	5.000	118	4.420	104,39%	88,41%
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,9	53,00	45,5	51,1	96,50%	96,39%
	+ Sản lượng	Tấn	22.415	26.500	538	22.581	100,74%	85,21%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	241	5.500	29	29	11,91%	0,52%
	Trong đó: DT trồng mới	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.742	5.500	302	5.299	92,28%	96,34%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.088	1.091	1.028	1.115	102,43%	102,17%
	+ Sản lượng	Tấn	624.800	600.000	31.022	590.607	94,53%	98,43%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	234	2.500	213	213	91,26%	8,54%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.942	2.500	329	2.042	105,15%	81,68%
	+ Năng suất	Tạ/ha	104,8	100,00	108,81	106,6	101,69%	106,60%
	+ Sản lượng	Tấn	20.356	25.000	3.580	21.767	106,93%	87,07%
	<b>Cây trồng khác</b>	"						
	DT gieo trồng	ha	133	3.350	146	146	109,73%	4,37%
	DT thu hoạch	ha	2.447	3.350	291	3.676	150,22%	109,73%
2	<b>Cây lâu năm</b>							
II	<b>CHĂN NUÔI</b>							
B	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
1.	<b>Lâm sinh</b>							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha	355	233	-	288	81,13%	123,61%
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	355	233	-	288	81,13%	123,61%
	- Rừng đặc dụng	"						
	- Rừng sản xuất	"						
	DT trồng lại sau khai thác	Ha						
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	295	340		338	114,49%	99,41%
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha	45				0,00%	#DIV/0!
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha	4.881	4.971		5.066	103,79%	101,91%
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	670	50		50	7,46%	100,00%
2.	<b>Khai thác</b>							
	- Sản lượng gỗ khai thác	m <sup>3</sup>						
	Trong đó: Gỗ rừng trồng	"						
C	<b>DIỆM NGHIỆP</b>							
D	<b>THỦY SẢN</b>							
1.	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>42.611</b>	<b>42.700</b>	<b>1.147</b>	<b>43.771</b>	<b>102,72%</b>	<b>102,51%</b>
1.1.	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>4.166</b>	<b>4.000</b>	<b>118</b>	<b>3.578</b>	<b>85,88%</b>	<b>89,44%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	2.904,65	2.500	118	2.622,75	90,29%	104,91%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	10,35	50	1	40,84	394,59%	81,68%
	Cá lóc	"	256,5	290	9	313,02	122,04%	107,94%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.261	1.500	-	955	75,72%	63,66%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.261	1.500	-	955	75,72%	63,66%
	- Diện tích nuôi khác	"	0					

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
<b>1.2.</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>38.446</b>	<b>38.700</b>	<b>1.029</b>	<b>40.193</b>	<b>104,55%</b>	<b>103,86%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	37.792	37.000	1.029	39.868	105,49%	107,75%
	Trong đó: + Tôm sú	"	20.429	19.000	324	18.889	92,46%	99,42%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.664	5.000	479	6.560	140,64%	131,20%
	+ Cua biển	"	12.698	13.000	226	14.419	113,55%	110,91%
	- Diện tích nuôi khác (ngheo, sò huyết, cá nước lợ)	"	654	1.700	-	325	49,69%	19,12%
<b>2.</b>	<b>Thể tích nuôi lồng, bè</b>	m <sup>3</sup>						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
<b>3.</b>	<b>Sản lượng con giống sản xuất</b>	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
<b>4</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>166.636</b>	<b>181.000</b>	<b>15.990</b>	<b>171.369</b>	<b>102,84%</b>	<b>94,68%</b>
<b>4.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>92.509</b>	<b>101.200</b>	<b>9.812</b>	<b>103.027</b>	<b>111,37%</b>	<b>101,81%</b>
<b>4.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>48.833</b>	<b>55.500</b>	<b>6.409</b>	<b>56.101</b>	<b>114,88%</b>	<b>101,08%</b>
	- Sản lượng cá	"	48.275	55.000	6.089	55.409,37	114,78%	100,74%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	4.580	10.000	409	10.196	222,61%	101,96%
	Cá lóc	"	26.746	27.000	3.344	29.943,0	111,95%	110,90%
	- Sản lượng giáp xác	"	559	500	320	692,0	123,84%	138,40%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	559	500	320	692,0	123,84%	138,40%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>4.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>43.675</b>	<b>45.700</b>	<b>3.403</b>	<b>46.925</b>	<b>107,44%</b>	<b>102,68%</b>
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	Trong đó: Cá giò, cá song	"						
	...	"						
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	42.349	43.500	2.500,1	44.171,6	104,30%	101,54%
	Trong đó: + Tôm sú	"	13.831	14.500	856	13.154,0	95,10%	90,72%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	21.526	21.000	1.470,24	23.792,0	110,53%	113,30%
	+ Nuôi cua biển	"	6.991	8.000	174	7.225,55	103,35%	90,32%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.327	2.200	903	2.753,90	207,58%	125,18%
<b>4.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>74.128</b>	<b>79.800</b>	<b>6.177</b>	<b>68.342</b>	<b>92,20%</b>	<b>85,64%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>60.521</b>	<b>65.900</b>	<b>4.643</b>	<b>57.061</b>	<b>94,28%</b>	<b>86,59%</b>
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	23.685	25.000	2.096	23.744	100,25%	94,98%
	Trong đó: - Loài ....	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	8.608	8.900	661	7.862,2	91,33%	88,34%
	Trong đó: - Tôm...	"						
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài ....	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	28.228	32.000	1.887	25.454,6	90,18%	79,55%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>13.606</b>	<b>13.900</b>	<b>1.534,0</b>	<b>11.281,5</b>	<b>82,91%</b>	<b>81,16%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	6.573	6.500	866	5.269,7	80,18%	81,07%

Mã số	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện Tháng 12	Ước TH 12 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Tôm các loại	"	3.751	4.200	212	3.464	92,34%	82,47%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Sản lượng thủy sản khác	"	3.283	3.200	456	2.548	77,62%	79,63%